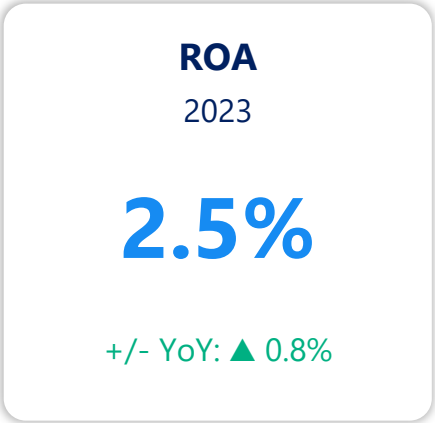
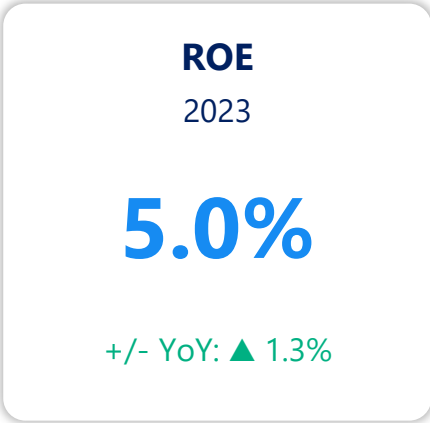
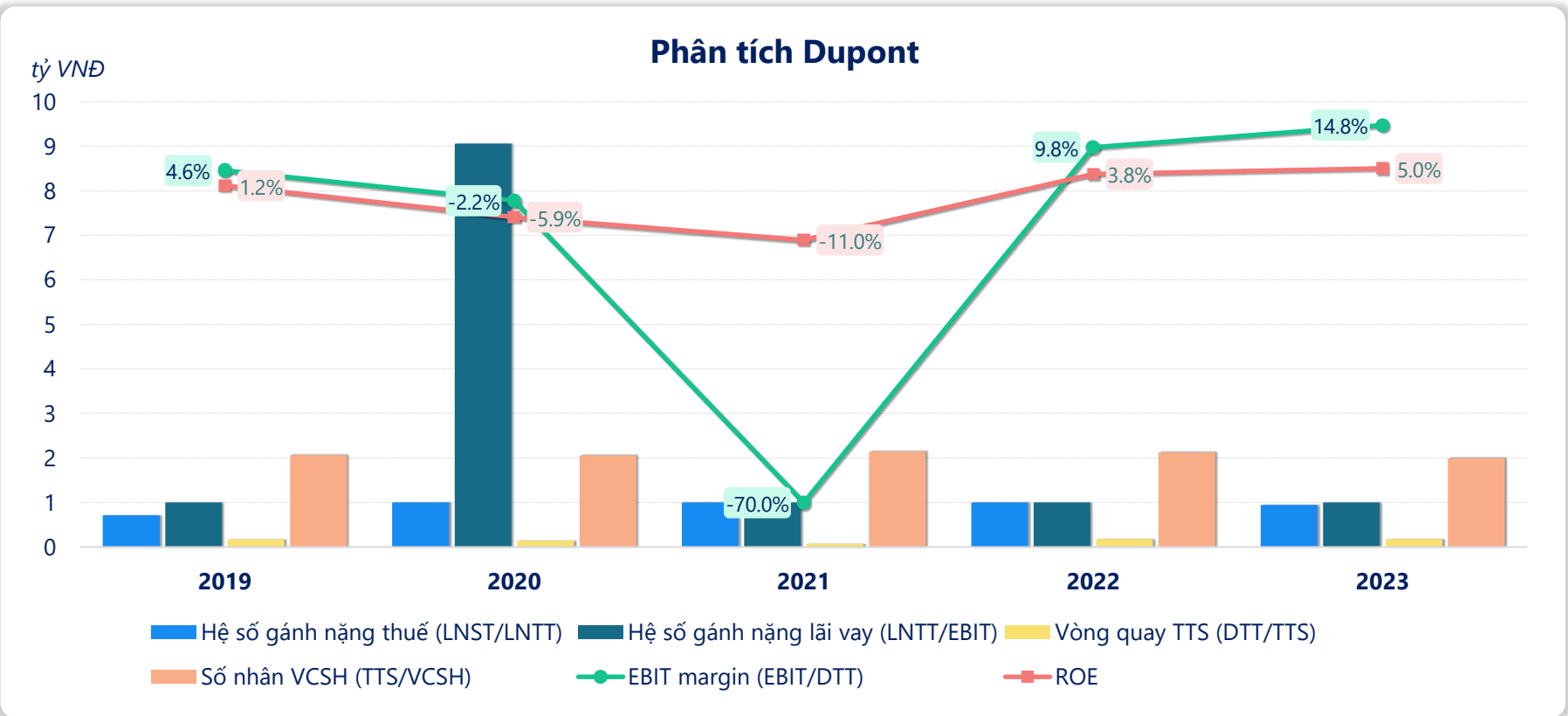
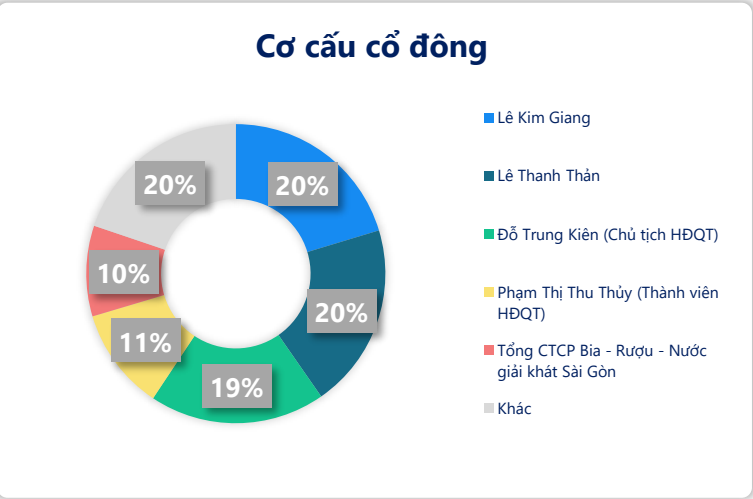


CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông (UPCOM: PDC)

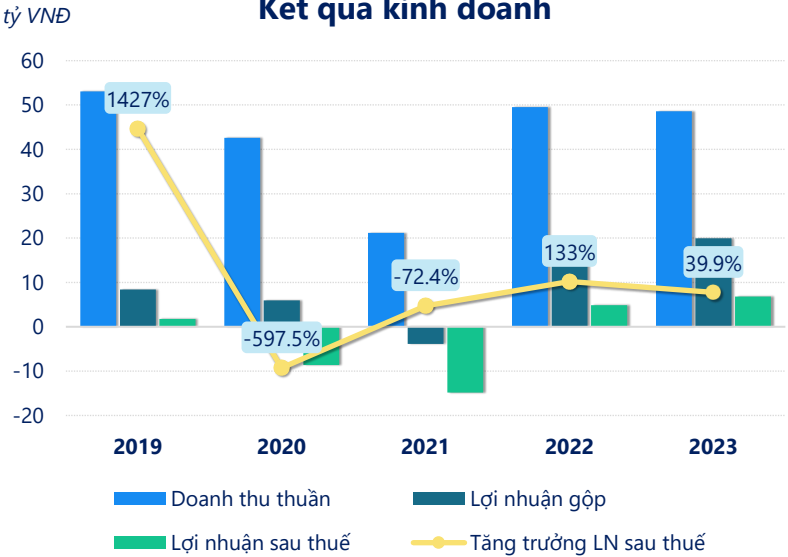
Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		5,400
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		3,900 - 8,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		81
Số lượng CPLH (CP)		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,630
Sở hữu nước ngoài		0.1%
Beta		1.63
EPS		512
P/E		10.5

	YTD	1T	3T	6T
PDC	25.6%	-5.3%	-6.9%	8.0%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



Kết quả kinh doanh

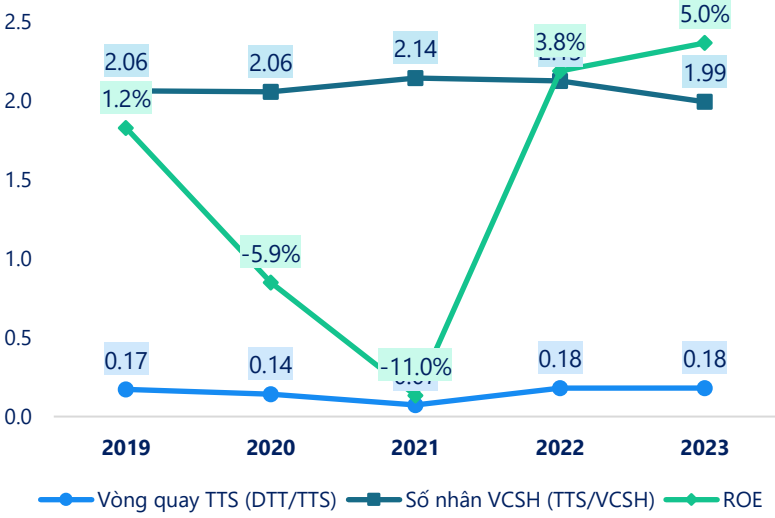


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **14.8%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.95**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

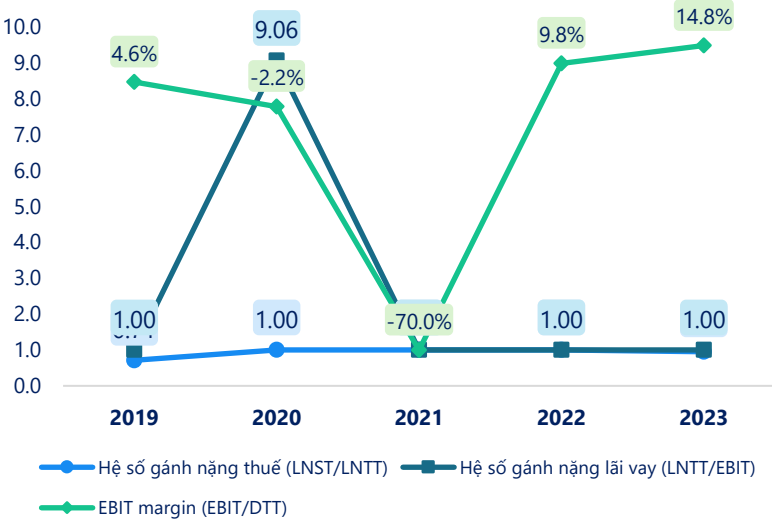
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2023**, **PDC** ghi nhận doanh thu thuần **48.58** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **6.79** tỷ đồng, lần lượt **giảm 1.90%** và **tăng 39.9%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

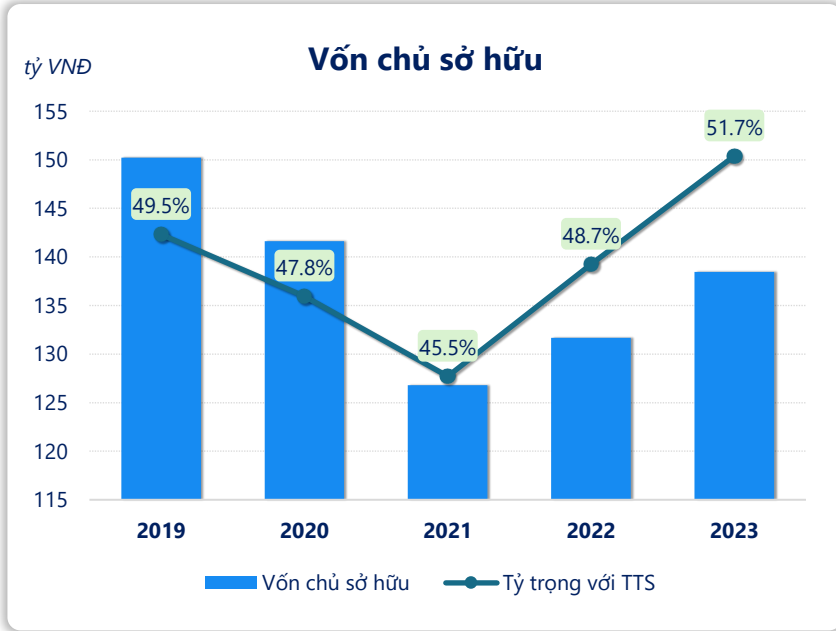
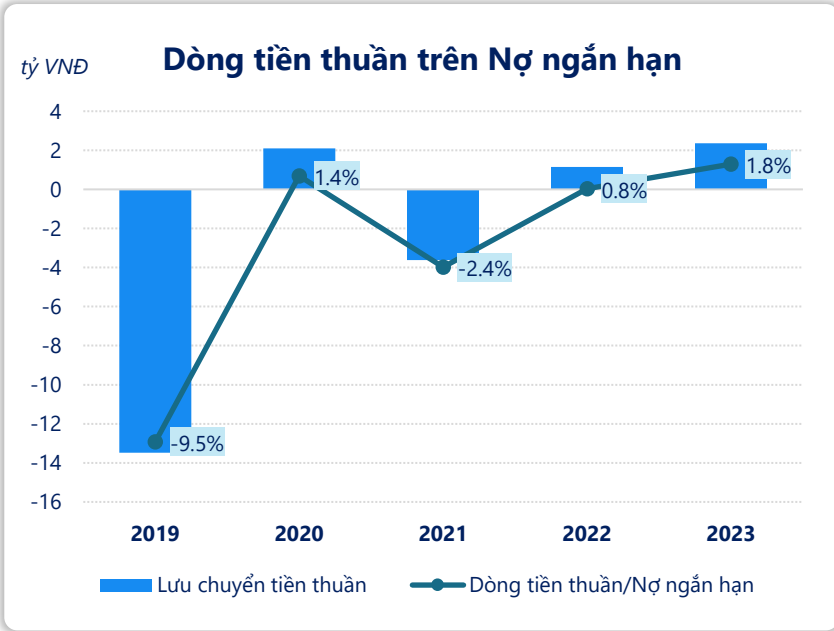
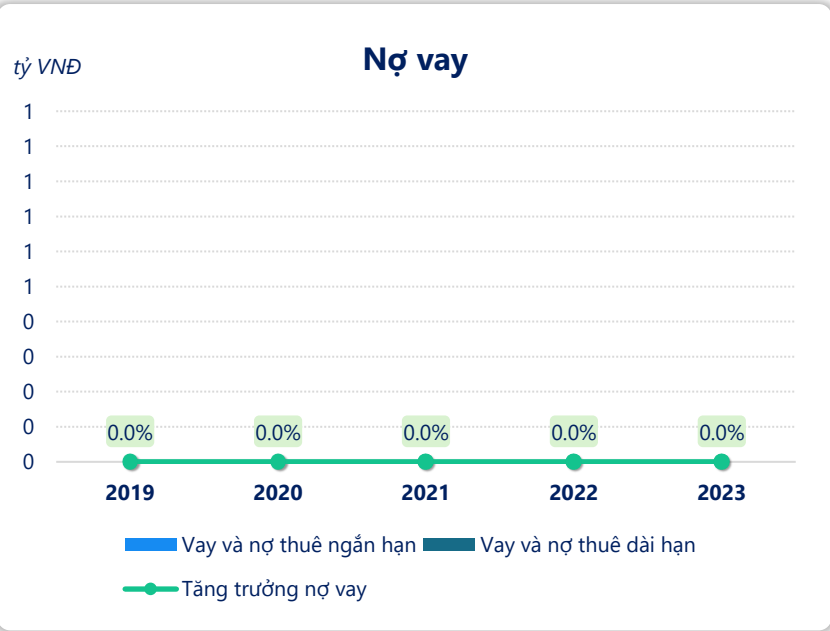
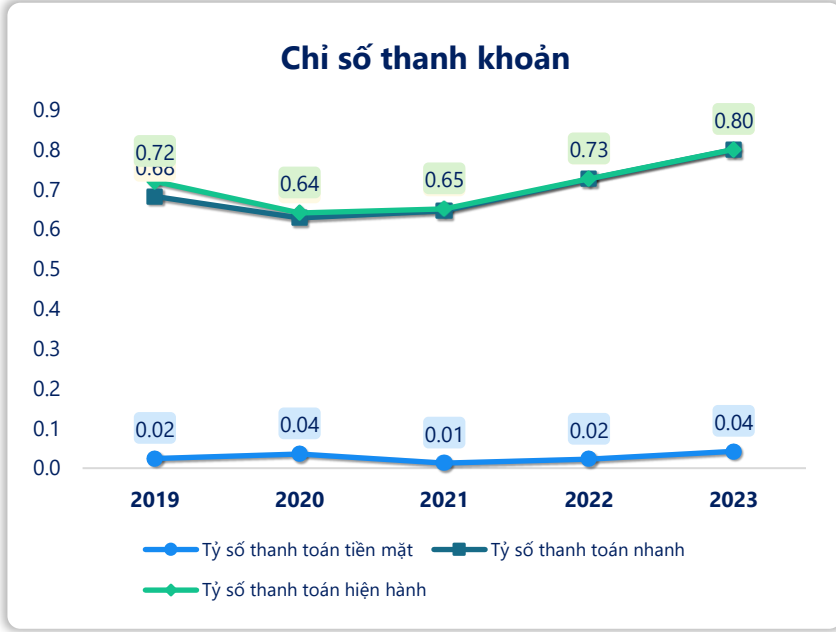
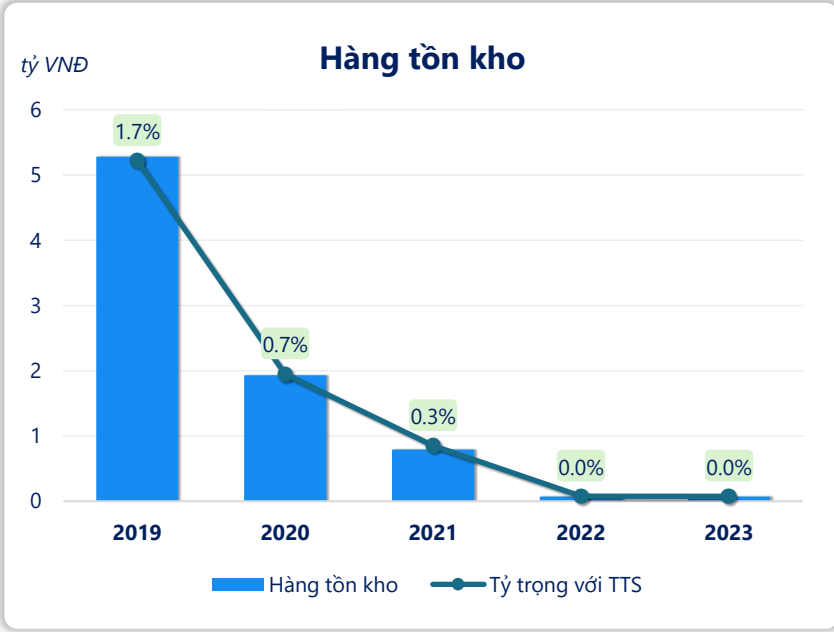
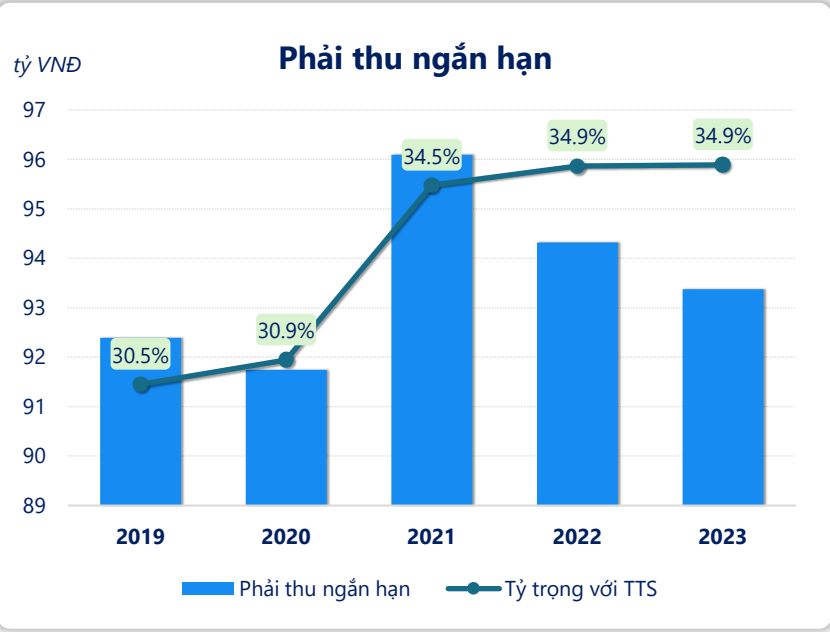
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.18**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.99** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	277	271	2.3%
Tài sản ngắn hạn	104	101	2.9%
Tiền và tương đương tiền	5.46	3.09	76.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	93.8	94.3	-0.6%
Hàng tồn kho	0.07	0.07	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	4.41	3.32	33.0%
Tài sản dài hạn	173	170	2.0%
Phải thu dài hạn	0.02	0.05	-56.9%
Tài sản cố định	99.6	99.4	0.2%
Bất động sản đầu tư	53.9	47.6	13.4%
Tài sản dở dang	0	1.30	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.54	7.90	-4.5%
Tài sản dài hạn khác	12.1	13.6	-10.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	129	139	-7.0%
Nợ ngắn hạn	129	139	-7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	126	135	-6.6%
Nợ dài hạn	0.15	0.15	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	148	132	12.2%
Vốn chủ sở hữu	148	132	12.2%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	53.1	42.6	21.2	49.5	48.6
Giá vốn hàng bán	44.6	36.7	25.0	34.3	28.7
Lợi nhuận gộp	8.43	5.98	-3.87	15.2	19.9
Doanh thu HĐTC	0.55	0.04	0.01	0.01	0.00
Chi phí TC	0	7.64	3.65	2.41	1.08
Chi phí lãi vay	0	7.64	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.63	0.53	0.40	0.39	0.60
Chi phí QLDN	5.92	6.45	6.13	8.41	10.5
LN thuần từ HĐKD	2.43	-8.62	-14.0	3.99	7.78
Lợi nhuận khác	-0.01	0.02	-0.78	0.87	-0.61
LN trước thuế	2.43	-8.59	-14.8	4.85	7.17
Lợi nhuận sau thuế	1.73	-8.59	-14.8	4.85	6.79
LNST của CĐ cty mẹ	1.73	-8.59	-14.8	4.85	6.79

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.0	2.38	-2.33	1.16	7.42
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.51	-0.28	-1.29	0.00	-5.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	16.9	3.46	5.56	1.94	3.09
Lưu chuyển tiền thuần	-13.5	2.10	-3.62	1.15	2.37
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.46	5.56	1.94	3.09	5.46